

Số: /2019/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức hỗ trợ đối với từng loại  
hạng mục, công trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư  
vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quyết định này quy định cụ thể Quy định các mức chi hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (gọi tắt là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

Những nội dung khác liên quan đến chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không nêu trong Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

**2. Đối tượng áp dụng:**

Quy định áp dụng đối với doanh nghiệp nhận hỗ trợ là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

## **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được hưởng hỗ trợ đầu tư theo quy định của Quyết định này.

2. Ưu tiên dự án chế biến nông sản sử dụng nguyên liệu địa phương hoặc sử dụng nhiều lao động (100 lao động trở lên); Dự án sản xuất sản phẩm cơ khí, thiết bị, linh kiện thiết bị, sản phẩm phụ trợ cho ngành nông nghiệp; Dự án có quy trình sản xuất thân thiện môi trường, tiêu tốn ít năng lượng, ít phát thải; Dự án liên kết sản xuất tạo ra chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp, dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao.

3. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu có hợp đồng liên kết với nông dân.

4. Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ đầu tư có các mức hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

## **Điều 3. Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình**

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 4. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị có liên quan**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai hướng dẫn thực hiện quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn vốn để thực hiện chính sách này.

c) Tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm tra đề nghị hỗ trợ đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ đầu tư. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT.

d) Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đơn giá thuê mặt nước của từng dự án cụ thể theo quy định hiện hành.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan cân đối ngân sách tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định này.

### 3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn trình tự thủ tục cho thuê đất, thuê mặt nước đối với nhà đầu tư cho thuê đất, thuê mặt nước đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

b) Xác định đơn giá thuê đất cụ thể đối với những dự án trong trường hợp diện tích tính tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, bảo vệ môi trường; kiểm tra, theo dõi và xử lý (nếu có vi phạm) đối với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai, bảo vệ môi trường.

### 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì mời đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án tham gia Hội đồng nghiệm thu và tiến hành nghiệm thu theo nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa nông, lâm, thủy sản và điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm nghiệp theo quy định pháp luật.

### 5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp nhu cầu và bố trí kinh phí hỗ trợ, đào tạo nghề cho người lao động tham gia làm việc trong các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ đào tạo nghề cho nhà đầu tư có dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.

### 6. Sở Công thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập quy hoạch, rà soát quy hoạch về cơ sở chế tạo thiết bị cơ khí để chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; chợ nông thôn.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước, cung cấp thông tin về giá các thị trường.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh tuyên truyền chủ trương, kết quả thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

8. Các Sở, Ban ngành khác và các đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp các Sở, ngành liên quan trong việc thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh liên quan kiểm tra, đôn đốc nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ đề ra. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trên địa bàn.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Các dự án đầu tư triển khai thực hiện trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành nếu đang được hưởng hỗ trợ thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư đã cấp hoặc có quyền đề nghị hưởng hỗ trợ theo quy định này cho thời gian còn lại của dự án.

2. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện không đúng nội dung hỗ trợ so với quyết định hỗ trợ đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi các hỗ trợ của nội dung thực hiện không đúng và nộp về ngân sách nhà nước hoặc chuyển hỗ trợ cho các dự án khác đã có quyết định hỗ trợ (sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương).

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng năm 20 .. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Báo Trà Vinh;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh;
- VPUB: PVP, các P.N/cứu;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC**

**ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ  
57/2018/NĐ-CP NGÀY 17 THÁNG 4 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2019/QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ (1.000đ)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Hệ thống điện</b>			Tổng mức hỗ trợ về hạ tầng điện đối với các dự án đầu tư vào nông nghiệp nông thôn tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.
a	Đường dây trung thế có điện áp đến 22kV	km	362.736	
b	Trạm biến áp 22/0,4kV có công suất đến	kva		
	50 kva		2.686	
	100 kva		1.592	
	250 kva		913	
	400 kva		734	
	750 kva		592	
	1.000 kva		539	
	1.600 kva		455	
c	Đường dây hạ thế có điện áp đến 0,4kV	km	234.216	
<b>2</b>	<b>Hệ thống đường giao thông</b>			
a	Đường giao thông trong hàng rào dự án (quy mô cấp VI đồng bằng): nền đường rộng 6,5m; mặt đường rộng 3,5m; lề đường rộng 2x1,5m. Kết cấu: mặt đường láng nhựa tiêu chuẩn 4,5kg/m <sup>2</sup> trên lớp móng cấp phối đá dăm hoặc đá dăm tiêu chuẩn	km	350.400	
b	Đường giao thông ngoài hàng rào dự án			Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh

				Vinh.
<b>3</b>	<b>Nhà xưởng, kho chuyên dụng</b>			
a	Nhà xưởng, nhà kho cao từ 5m trở lên	m <sup>2</sup>	1.000	Nhà kiên cố, cấp 4 trở lên
b	Nhà xưởng, nhà kho, cao dưới 5m	m <sup>2</sup>	700	
<b>4</b>	<b>Nước sạch</b>			
a	Bể chứa	m <sup>3</sup>	1.000	Vật liệu bê tông, xây gạch
b	Đường ống (có đường kính tối thiểu 30mm)	m	100	Vật liệu nhựa, xây gạch
c	Máy bơm	m <sup>3</sup> / giờ	500	
<b>5</b>	<b>Xử lý chất thải</b>			
a	Bể lắng, bể sục khí	m <sup>3</sup>	2.000	Vật liệu bê tông, xây gạch
b	Hồ chứa nước	m <sup>3</sup>	50	Có lát tấm bê tông xung quanh
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50mm)	m	100	Vật liệu nhựa, kim loại
d	Máy bơm	m <sup>3</sup> / giờ	1.000	
e	Cống thoát nước thải bằng BTCT	m		
-	D300mm		600	
-	D400mm		650	
-	D>=500mm		700	
<b>6</b>	<b>Thiết bị</b>	tấn		
a	Nhập từ các nước phát triển		100.000	
b	Nhập từ nước khác		65.000	
c	Sản xuất tại Việt Nam		70.000	
<b>7</b>	<b>Nhà máy sản xuất nước sạch nông thôn</b>	m <sup>3</sup>		Bao gồm chi phí xây dựng các công trình: Bể trộn và phân phối; Bể lắng và bể lọc; Hệ thống châm hóa chất; Trạm bơm nước rửa lọc, nước kỹ thuật và nước sinh hoạt; Hệ thống thu nước thải; Bể chứa nước sạch; Các công trình phụ trợ như sân, nhà thường trực, bảo vệ, nhà điều hành và phòng thí nghiệm, gara, kho xưởng, hệ thống thoát nước, trạm điện và chi phí phòng cháy chữa cháy, mua sắm và lắp đặt thiết bị dây chuyền công nghệ.
	Xây dựng mới		3.000	
	Nâng cấp, cải tạo		2.000	

8	<b>Xây dựng tuyến ống cấp nước chính cho Khu dân cư trên 10 hộ</b>	km		Chi phí lắp đặt đường ống, các vật tư phụ, chưa tính đến chi phí đào và đắp trả đường ống.
	Ống Gang dẻo DN100		398.000	
	Ống Gang dẻo DN150		468.000	
	Ống Nhựa HDPE DN50		38.000	
	Ống Nhựa HDPE DN63		44.000	
	Ống Nhựa HDPE DN75		76.000	
	Ống Nhựa HDPE DN90		77.000	
9	<b>Công trình thu gom xử lý nước sinh hoạt nông thôn</b>	m <sup>3</sup> /ngày đêm		
a	Theo công nghệ bùn hoạt tính			
	Công suất < 2.000 m <sup>3</sup> /ngày.đêm		13.800	
	Công suất từ 2.000 đến < 5.000 m <sup>3</sup> /ngày.đêm		12.000	
b	Theo công nghệ hồ sinh học			
	Công suất < 2.000 m <sup>3</sup> /ngày.đêm		9.600	
	Công suất từ 2.000 đến < 5.000 m <sup>3</sup> /ngày.đêm		7.200	
10	<b>Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn</b>	tấn/ngày		
a	Công nghệ chế biến phân vi sinh công suất <300 tấn/ngày			
	Công nghệ, thiết bị nước ngoài		336.000	
	Công nghệ, thiết bị trong nước		240.000	
b	Công nghệ đốt công suất <50 tấn/ngày			

	Công nghệ, thiết bị nước ngoài		510.000	
	Công nghệ, thiết bị trong nước		380.000	
c	Công nghệ chế biến phân vi sinh kết hợp đốt công suất <300 tấn/ngày			
	Công nghệ, thiết bị nước ngoài		348.000	
	Công nghệ, thiết bị trong nước		288.000	
d	Công nghệ công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh công suất <100 tấn/ngày		120.000	
11	<b>Dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô tối thiểu 05 ha trở lên</b>	ha	200.000	Diện tích tăng lên thì mức hỗ trợ tăng tương ứng nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án
12	<b>Xây dựng bến cảng phục vụ vận chuyển sản phẩm nông lâm thủy sản</b>	dự án	20.000.000	Đây là mức hỗ trợ tối đa, mức hỗ trợ cụ thể được tính bằng 50% tổng kinh phí xây dựng dự án nhưng không lớn hơn mức hỗ trợ tối đa
13	<b>Dự án xây dựng khu neo đậu tàu thuyền</b>	dự án	20.000.000	Đây là mức hỗ trợ tối đa, mức hỗ trợ cụ thể được tính bằng 50% tổng kinh phí xây dựng dự án nhưng không lớn hơn mức hỗ trợ tối đa
14	<b>Công trình xây dựng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước</b>	1.000 đồng/m <sup>2</sup>	30	Mức hỗ trợ tối đa không quá 20 tỷ đồng/dự án
15	<b>Hỗ trợ mua tàu dịch vụ biển</b>	Tấn tải trọng	30.000	Không quá 60% chi phí, tàu tải trọng tối thiểu 200 DWT, hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.
16	<b>Xây dựng nhà ở xã hội cho người lao động</b>	m <sup>2</sup>		100 lao động trở lên làm việc thường xuyên tại nhà máy
	Nhà cấp IV		1.000	



	Nhà 2 tầng trở lên (bê tông, cốt thép)		2.000	
<b>17</b>	<b>Giống vật nuôi</b>			
	Bò cao sản	con	10.000	

**Ghi chú: Áp dụng định mức hỗ trợ:**

- Chỉ hỗ trợ các hạng mục, công trình được quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

- Những nội dung hỗ trợ không quy định trong định mức này thì thực hiện hỗ trợ theo tỷ lệ quy định (không vượt mức trần hỗ trợ) của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

- Định mức hỗ trợ theo quy định này là định mức tối đa, trường hợp doanh nghiệp đầu tư các hạng mục, công trình có giá trị thấp hơn theo quy định này thì áp dụng giá trị thực tế đó. Trường hợp giá trị cao hơn quy định này thì áp dụng định mức hỗ trợ quy định này.

- Trường hợp tổng mức đầu tư công trình hoặc hạng mục công trình nhận hỗ trợ nhân với tỷ lệ hỗ trợ cụ thể theo quy định của Nghị định 57/2018/NĐ-CP nhỏ hơn mức hỗ trợ tối đa thì doanh nghiệp được nhận hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ đó. Trường hợp tổng mức đầu tư công trình hoặc hạng mục công trình nhận hỗ trợ nhân với tỷ lệ hỗ trợ lớn hơn mức hỗ trợ tối đa thì doanh nghiệp được nhận hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ tối đa.

- Doanh nghiệp được áp dụng định mức hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí và điều kiện hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ và các quy định của pháp luật liên quan./.